TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2022/DS-ST
Ngày: 21-4-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Văn Tốt
Ông Nguyễn Thanh Tùng
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thống - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lường Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 682/2020/TLST-DS ngày 24/12/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1823/2022/QĐXXST-DS ngày 10/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2022/QĐST-DS ngày 31/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S
Địa chỉ trụ sở chính: A, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Ông Trần Đức T
(Theo giấy ủy quyền số 2763/2020/UQ-TTT ngày 01/12/2020)
- *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh C, sinh năm: 1984
Địa chỉ: tổ 9, khu phố 7, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Đức T – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Thanh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Trần Đức T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/10/2011 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Viết tắt là Ngân hàng S) với ông Phạm Thanh C có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S. Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng S đã cấp cho ông C 02 thẻ tín dụng gồm thẻ Visa Citimart 436361-0558 và thẻ Visa Credit Classic 472074-0467 với hạn mức sử dụng chung là 14.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và ông C phải chịu các khoản phí theo quy định (tiền lãi và các khoản phí quy định tại Điều 22 và Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông C đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 29.840.000đồng (cụ thể thẻ 436361-0558 là 12.810.000đồng, thẻ 472074-0467 là 17.030.000đồng), đã thanh toán được 29.387.000đồng (cụ thể thẻ 436361-0558 thanh toán được 12.478.000đồng, thẻ 472074-0467 thanh toán được 16.909.000đồng), sau đó không thanh toán nữa. Ngày 01/4/2014 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn vả đã nhiều lần thông báo ông C phải thanh toán số nợ trên nhưng đến nay ông C vẫn không thanh toán.

Tính đến ngày 21/4/2022 ông C còn nợ Ngân hàng S số tiền gốc và lãi là 58.345.956đồng. Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Thanh C phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 21/4/2022 là 58.345.956đồng, trong đó thẻ 436361-0558 nợ gốc 6.549.461đồng và tiền lãi quá hạn là 20.721.663đồng và thẻ 472074-0467 nợ gốc 7.463.143đồng và tiền lãi quá hạn là 23.611.689đồng, tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 22/4/2022 cho đến khi trả xong nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng hai bên đã ký.

- *Bị đơn ông Phạm Thanh C*: Đã được Tòa án nhân dân Quận 12 triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có văn bản trình bày hay phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên không chấp hành theo Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán cần lưu ý bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc ông Phạm Thanh C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/4/2022 là 58.345.956đồng, tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 22/4/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện ông Phạm Thanh C yêu cầu trả nợ vay. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2011 thì ông Phạm Thanh C có nơi cư trú (đăng ký thường trú) tại Quận X phù hợp kết quả xác minh tại Công an phường N, Quận X là "Ông C có đăng ký thường trú và thực tế đang cư trú tại tổ 9, khu phố 7, phường N, Quận 12" nên theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:*

Ông Trần Đức T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Thanh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Bị đơn Phan Thanh C vắng mặt không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ xác nhận hay phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt không có lý do tại Tòa án.

[3] *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] *Về việc mở thẻ tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng:*

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn có đủ cơ sở để xác định: Ngày 28/10/2011 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Viết tắt là Ngân hàng S) với ông Phan Thanh C có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S. Căn cứ thu nhập Ngân hàng S đã cấp cho ông C 02 thẻ tín dụng gồm thẻ Visa Citimart 436361-0558 và thẻ Visa Credit

Classic 472074-0467 với hạn mức sử dụng chung là 14.000.000đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, sau khi mở thẻ ông C sử dụng thẻ tiêu dùng cá nhân nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của chủ thẻ theo thỏa thuận mở thẻ.

[3.2] *Về số tiền nợ gốc:*

Tại bản tóm tắt sao kê tài khoản thẻ tín dụng do Ngân hàng S cung cấp cho Tòa án thì sau khi mở thẻ ông C đã thực hiện các giao dịch với số tiền 29.840.000đồng (cụ thể thẻ 436361-0558 là 12.810.000đồng, thẻ 472074-0467 là 17.030.000đồng), đã thanh toán được 29.387.000đồng (cụ thể thẻ 436361-0558 thanh toán được 12.478.000đồng, thẻ 472074-0467 thanh toán được 16.909.000đồng). Tính đến ngày 21/4/2022 ông C còn dư nợ gốc là 14.012.604đồng (cụ thể thẻ 436361-0558 nợ gốc là 6.549.461đồng, thẻ 472074-0467 nợ gốc là 7.463.143đồng) nhưng không thanh toán nên Ngân hàng S yêu cầu Tòa án buộc ông C phải thanh toán số tiền nợ gốc 14.012.604đồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

[3.3] *Về tiền lãi:*

Hai bên thỏa thuận lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau quy định tại Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng và chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng; lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 3.225%/tháng (2.15% x 150%). Xét việc thỏa thuận lãi giữa Ngân hàng S với ông C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Vì vậy, Ngân hàng S yêu cầu ông C phải thanh toán tiền lãi từ ngày chuyển nợ quá hạn (01/4/2014) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/4/2022) với số tiền 44.333.352đồng (cụ thể thẻ 436361-0558 lãi quá hạn 20.721.663đồng, thẻ 472074-0467 nợ lãi quá hạn 23.611.689đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông C phải thanh toán cho Ngân hàng S tính đến ngày 21/4/2022 là 58.345.956đồng, trong đó thẻ 436361-0558 nợ gốc 6.549.461đồng và tiền lãi quá hạn là 20.721.663đồng và thẻ 472074-0467 nợ gốc 7.463.143đồng và tiền lãi quá hạn là 23.611.689đồng.

[3.4] *Về tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm:*

Ông Phạm Thanh C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên làm phát sinh nợ quá hạn. Vì vậy, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/4/2022) ông C còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng S thì lãi suất mà ông C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng S.

[4] *Về án phí:*

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.229.300đồng. Bị đơn ông Phạm Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 2.918.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1.1. Buộc ông Phạm Thanh C phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2011 và Bản điều khoản, điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S tính đến ngày 21/4/2022 là 58.345.956đồng (Năm mươi tám triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm năm mươi sáu đồng), trong đó thẻ 436361-0558 nợ gốc 6.549.461đồng và tiền lãi quá hạn là

20.721.663đồng và thẻ 472074-0467 nợ gốc 7.463.143đồng và tiền lãi quá hạn là 23.611.689đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/4/2022) ông Phạm Thanh C còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng S thì lãi suất mà ông C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng S.

2. Về án phí:

2.1. Ông Phạm Thanh C phải chịu 2.918.000đồng (Hai triệu chín trăm mười tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 1.229.300đồng (Một triệu hai trăm hai mươi chín ngàn ba trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0105792 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THA dân sự Quận 12;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thùy Trang